ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 762 /QĐ-UBND	*Sóc Trăng, ngày 18 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án Khu đô thị mới Phường 4 - Khu 01, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đối với phần đất chưa giải phóng mặt bằng (lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu thầu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất;

Theo Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án "Khu đô thị mới Phường 4 - Khu 01, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đối với phần đất chưa giải phóng mặt bằng (lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu thầu)" với những nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2.

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức công bố dự án đầu tư có sử dụng đất, thông báo mời quan tâm và triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định

hiện hành.

2. Các sở, ngành, địa phương có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Lâm Hoàng Nghiệp

PHỤ LỤC

YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM NHÀ ĐẦU TƯ ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 762 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Tên dự án: Khu đô thị mới Phường 4 - Khu 01, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đối với phần đất chưa giải phóng mặt bằng (lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu thầu).

Ban hành kèm theo Quyết định số: 694/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

Chương I
CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1. Nội dung mời quan tâm

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng mời nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án Khu đô thị mới Phường 4 - Khu 01, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đối với phần đất chưa giải phóng mặt bằng (lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu thầu).

2. Thông tin tóm tắt về dự án:

2.1. Mục tiêu đầu tư của dự án: Đầu tư xây dựng Khu đô thị mới có hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ theo tiêu chí đô thị mới, thông minh của thành phố Sóc Trăng; góp phần phát triển khu đô thị trung tâm; đáp ứng nhu cầu về nhà ở, nhà ở xã hội, thương mại và dịch vụ của nhân dân. Phù hợp với định hướng phát triển đô thị theo quy hoạch chung của thành phố Sóc Trăng.

2.2. Quy mô đầu tư của dự án:

- Tổng diện tích dự án: Khoảng 46,62ha.

- Dân số: Khoảng 7.500 người.

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
A	**Đất dân dụng**		**463.855,00**	99,50
1	Đất công cộng đô thị	CCĐT	5.356,00	1,15
2	Đất giao thông đô thị		22.387,00	4,80
3	Đất đơn vị ở		436.112,00	93,54
3,1	Đất công cộng đơn vị ở	CCĐVO	5.417,00	1,16
3,2	Đất giáo dục cấp đơn vị ở		24.674,00	5,29
3,3	Đất cây xanh, TDTT cấp đơn vị ở	CXĐVO	49.832,00	10,69
3,4	Đất ở		236.894,00	50,81
a	Đất ở - nhà ở biệt thự	BT	64.855,00	13,91
b	Đất ở - nhà ở liền kề	LK	122.159,00	26,20
c	Đất ở - Nhà ở xã hội	NOXH	49.880,00	10,70

3,5	Đất giao thông đơn vị ở		119.295,00	25,59
B	**Đất ngoài dân dụng**		**2.351,00**	0,50
1	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	2.351,00	0,50
	Tổng cộng		**466.206,00**	**100,00**

Quy mô kiến trúc xây dựng: Xây dựng tuân thủ diện tích, chiều cao, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.3. Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án (m_1): 4.420.836.000.000 (*Bốn nghìn bốn trăm hai mươi hai tỷ tám trăm ba mươi sáu triệu*) đồng.

2.4. Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (tạm tính) (m_2): 415.620.345.532 (*bốn trăm mười lăm tỷ sáu trăm hai mươi triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi hai*) đồng.

2.5. Tóm tắt các yêu cầu cơ bản của dự án:

- Đất ngoài đơn vị ở:

+ Đất công cộng đô thị: (ký hiệu CCĐT), có diện tích khoảng: 5.356 m^2, mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao 05 tầng.

+ Đất hạ tầng kỹ thuật: (ký hiệu HTKT), có diện tích khoảng: 2.351 m^2.

+ Đất đường giao thông đô thị: Có tổng diện tích khoảng: 22.387 m^2.

- Đất đơn vị ở gồm:

+ Đất công cộng đơn vị ở: (ký hiệu CCĐVO), tổng diện tích đất khoảng: 5.417 m^2, MĐXD tối đa 40%, tầng cao 03 tầng.

+ Đất giáo dục: Tổng diện tích khoảng: 24.674 m^2, quy mô số học sinh các cấp học được xác định theo quy mô dân số khu đô thị mới.

. Đất trường mầm non (ký hiệu TMN), có diện tích khoảng 6.721 m^2, MĐXD tối đa 40%, tầng cao 03 tầng.

. Đất trường tiểu học (ký hiệu TH), có diện tích khoảng: 7.100 m^2, MĐXD tối đa 40 %, tầng cao 04 tầng.

. Đất trường trung học cơ sở (ký hiệu THCS), có diện tích khoảng: 10.853 m^2, MĐXD tối đa 40 %, tầng cao 04 tầng.

- Đất cây xanh, thể dục - thể thao cấp đơn vị ở: Tổng diện tích đất: 49.832 m^2, gồm các khu đất:

. Đất cây xanh, thể dục - thể thao cấp đơn vị ở: Ký hiệu CXĐVO 01, diện tích 7.435 m^2, MĐXD tối đa 5 %.

. Đất cây xanh, thể dục - thể thao cấp đơn vị ở: Ký hiệu CXĐVO 02, diện tích 5.634 m^2, MĐXD tối đa 5%.

. Đất cây xanh, thể dục - thể thao cấp đơn vị ở: Ký hiệu CXĐVO 03, diện tích 7.852 m^2, MĐXD tối đa 5%.

- Đất mặt nước khu biệt thự riverside: Ký hiệu MN 01, diện tích 16.491 m^2.

- Đất mặt nước khu biệt thự riverside: Ký hiệu MN 02, diện tích 12.420 m^2.

- Đất nhóm nhà ở xây dựng mới: Tổng diện tích đất: 236.894 m^2.

* Đất ở thấp tầng: Tổng diện tích đất: 188.014 m^2.

- Đất ở thấp tầng - Nhà liền kề: Có diện tích khoảng: 122.159 m^2, mật độ xây dựng tối đa 90%. Tầng cao xây dựng tối đa 05 tầng.

- Đất ở thấp tầng - Nhà biệt thự: Có diện tích khoảng: 64.855 m^2, mật độ xây dựng tối đa 78%. Tầng cao xây dựng tối đa 04 tầng.

* Đất nhà ở xã hội: Có diện tích đất khoảng: 49.880 m^2, chiếm 20,06% tổng diện tích đất ở.

- Đất ở cao tầng - Nhà ở xã hội: Ký hiệu NOXH, diện tích đất khoảng: 49.880 m^2. Mật độ xây dựng khối đế: 25%. Tầng cao 05 tầng.

- Đất đường giao thông đơn vị ở: Có tổng diện tích đất khoảng: 119.295 m^2.

- Công trình hạ tầng kỹ thuật:

Thực hiện đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối nội bao gồm: san lấp mặt bằng, đường giao thông, cấp điện, chiếu sáng công cộng; cấp thoát nước sinh hoạt, cấp nước phòng cháy, thông tin liên lạc phù hợp quy hoạch chi tiết.

+ Chuẩn bị kỹ thuật đất (san nền và thoát nước mặt): Thực hiện san lấp theo cao độ quy định và đảm bảo thoát nước theo lưu vực đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết.

+ Hạ tầng giao thông: thực hiện đường trục chính trong khu đô thị và đường nội bộ theo tiêu chuẩn đường cấp đơn vị ở; dạng đường bê tông nhựa nóng.

+ Cấp điện: sử dụng nguồn điện từ lưới điện trên các tuyến đường đối ngoại hiện hữu; xây dựng mới tuyến cấp điện cho toàn bộ dự án và được bố trí dọc đường giao thông.

+ Tuyến chiếu sáng: bố trí dọc các tuyến đường giao thông trong khu đô thị.

+ Cấp nước: nước cấp từ nguồn chung của thành phố; bố trí tuyến ống ngầm, dọc vỉa hè; thiết kế theo công suất đảm bảo cấp nước cho dân cư trong khu đô thị.

+ Xây dựng hệ thống trụ cứu hỏa theo quy định.

+ Thoát nước: xây dựng hệ thống thu gom nước thải theo quy định; đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Hệ thống thông tin liên lạc được bố trí đồng bộ theo quy định.

+ Thực hiện các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và công trình hạ tầng tạm thời đáp ứng yêu cầu phát triển của khu đô thị trong thời gian chưa có các công trình hạ tầng sử dụng chung.

2.6. Thời hạn, tiến độ đầu tư: 50 năm, kể ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất.

2.7. Địa điểm thực hiện dự án: Phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cận tiếp giáp cụ thể như sau:

- Phía Đông Bắc: Giáp với khu đất quy hoạch Khu hành chính tỉnh;

- Phía Đông Nam: Giáp với đường Vành Đai II và phần đất đã giải phóng mặt bằng dọc đường Vành Đai II (đấu giá);

- Phía Tây Bắc: Giáp với Khu đô thị 5A;

- Phía Tây Nam: Giáp với đất nông nghiệp hiện hữu.

2.8. Diện tích khu đất: Khoảng 46,62ha.

2.9. Mục đích sử dụng đất: Xây dựng khu đô thị, dân cư.

2.10. Các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt: Theo Quyết định số 3648/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới Phường 4 – Khu 01, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/500. Trong đó:

2.11. Hiện trạng khu đất: Đất thủy lợi, đất trồng lúa và một vài căn nhà ở trên đất (đất ở).

- Các thông tin khác về dự án: Theo Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án: 17 giờ 00 phút, ngày 19 tháng 4 năm 2022.

Mục 2. Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư bao gồm yêu cầu về năng lực tài chính và kinh nghiệm. Nội dung chi tiết theo Chương II – Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.

Mục 3. Làm rõ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư

3.1. Trường hợp nhà đầu tư muốn được làm rõ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, nhà đầu tư phải gửi đề nghị làm rõ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng bằng văn bản hoặc thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tối thiểu 05 ngày làm việc để xem xét, xử lý.

3.2. Sau khi nhận được văn bản đề nghị làm rõ theo thời gian quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng tiến hành làm rõ và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong khoảng thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà đầu tư đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm

rõ dẫn đến phải sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương này.

Mục 4. Sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư

4.1. Trường hợp sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tối thiểu 10 ngày.

4.2. Trường hợp thời gian thông báo sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm không đáp ứng quy định tại Mục 4.1 Chương này, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng thực hiện gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tương ứng để bảo đảm quy định nêu trên. Việc gia hạn được thực hiện theo quy định tại Mục 6.3 Chương này.

Mục 5. Ngôn ngữ sử dụng

Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng và nhà đầu tư liên quan đến việc mời quan tâm phải được viết bằng ngôn ngữ sau:

- Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan trao đổi giữa nhà đầu tư với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng được viết bằng: Tiếng Việt.

- Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong hồ sơ đăng ký thực hiện dự án có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt.

- Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng có thể yêu cầu nhà đầu gửi bổ sung.

Mục 6. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và thời hạn nộp

6.1. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án do nhà đầu tư chuẩn bị phải bao gồm các biểu mẫu và các tài liệu có liên quan theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

6.2. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước 17 giờ 00 phút, ngày 19 tháng 4 năm 2022.

6.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng có thể gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trong các trường hợp sau đây:

a) Sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư theo quy định tại Mục 4 Chương này. Khi gia hạn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng thông báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

b) Cần tăng thêm số lượng nhà đầu tư theo quy định tại điểm b Mục 9.2 Chương này. Khi gia hạn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng gửi thông báo đến tất cả các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và thông báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thời gian gia hạn thực hiện theo quyết định

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Nhà đầu tư đã đáp ứng yêu cầu không phải nộp lại hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

Mục 7. Sửa đổi, thay thế, rút hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

7.1. Sau khi nộp, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

7.2. Sau thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, nhà đầu tư không được rút hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đã nộp.

Mục 8. Làm rõ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

1. Làm rõ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

Nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án theo yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng hoặc tự làm rõ, bổ sung tài liệu chứng minh tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm khi nhà đầu tư phát hiện hồ sơ đăng ký thực hiện dự án thiếu thông tin, tài liệu về năng lực, kinh nghiệm đã có của mình nhưng chưa được nộp cùng hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Tất cả yêu cầu làm rõ và văn bản làm rõ của nhà đầu tư được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

2. Đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

Việc đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư căn cứ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của nhà đầu tư và các tài liệu làm rõ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (nếu có).

Mục 9. Thông báo kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư

9.1. Sau khi có kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng đăng tải danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

9.2. Căn cứ kết quả đánh giá, theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Đầu tư và khoản 3 Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, căn cứ tiến độ thực hiện dự án, mục tiêu thu hút đầu tư cũng như các điều kiện cụ thể khác của dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thực hiện theo một trong hai phương án như sau:

a) Phương án 1: Thông báo và hướng dẫn nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư nếu quá trình tổ chức đã bảo đảm tính công khai, minh bạch, cạnh tranh và dự án có yêu cầu đẩy nhanh tiến độ;

b) Phương án 2: Gia hạn thời gian đăng ký thực hiện dự án để các nhà đầu tư tiềm năng khác có cơ hội tiếp cận thông tin và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện

dự án nhằm tăng tính cạnh tranh. Thời gian gia hạn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Nhà đầu tư đã đáp ứng yêu cầu không phải nộp lại hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

Sau khi gia hạn, căn cứ kết quả đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, thủ tục tiếp theo thực hiện theo quy định tương ứng tại các khoản 4, 5 và 6 Điều 13 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).

9.3. Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu, việc lựa chọn nhà đầu tư sẽ được thực hiện theo hình thức đấu thầu rộng rãi theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP và khoản 3 Điều 108 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Hồ sơ mời thầu được phát hành rộng rãi cho các nhà đầu tư, gồm cả các nhà đầu tư ngoài danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm.

CHƯƠNG II

ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1. Phương pháp đánh giá

1.1. Việc đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư sử dụng phương pháp đánh giá đạt, không đạt. Nhà đầu tư được đánh giá là đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt.

1.2. Đối với nhà đầu tư liên danh:

a) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh. Đồng thời, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà đầu tư liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu.

Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%.

b) Kinh nghiệm thực hiện dự án của nhà đầu tư liên danh bằng tổng số dự án của các thành viên liên danh đã thực hiện.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá

Việc đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được thực hiện theo bảng dưới đây:

YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

TT	Nội dung	Yêu cầu
1	Năng lực tài chính	Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp[(1)] không thấp hơn 725.468.451.829,8 đồng, tương đương không thấp hơn 15% tổng mức

TT	Nội dung	Yêu cầu
		đầu tư (vốn đầu tư) của dự án đang xét (m_1+m_2).
2	Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự[2]	Số lượng dự án mà nhà đầu tư hoặc thành viên tham gia liên danh hoặc đối tác cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính: Tối thiểu 01 dự án loại 1; hoặc 02 dự án loại 2; hoặc 02 dự án loại 3; hoặc 01 dự án loại 2 và 01 dự án loại 3. Cách xác định dự án như sau [3]: a) Loại 1: Dự án trong lĩnh vực: Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị; xây dựng công trình dân dụng có một hoặc nhiều công năng gồm: nhà ở (trừ nhà ở riêng lẻ); trụ sở, văn phòng làm việc; công trình thương mại, dịch vụ mà nhà đầu tư tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng 05 năm (2017, 2018, 2019, 2020 và 2021) trở lại đây và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: - Có tổng mức đầu tư tối thiểu là [4] 50% tổng mức đầu tư của dự án đang xét. - Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là [5] 50% vốn chủ sở hữu của dự án đang xét. b) Loại 2: Dự án trong lĩnh vực: Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị; xây dựng công trình dân dụng có một hoặc nhiều công năng gồm: nhà ở (trừ nhà ở riêng lẻ); trụ sở, văn phòng làm việc; công trình thương mại, dịch vụ mà nhà đầu tư đã tham gia với vai trò là nhà thầu chính xây lắp, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng 05 năm (2017, 2018, 2019, 2020 và 2021) trở lại đây và có giá trị tối thiểu là[6] 50% giá trị công việc của dự án đang xét. c) Loại 3: Dự án trong lĩnh vực: Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị; xây dựng công trình dân dụng có một hoặc nhiều công năng gồm: nhà ở (trừ nhà ở riêng lẻ); trụ sở, văn phòng làm việc; công trình thương mại, dịch vụ đã hoàn

TT	Nội dung	Yêu cầu
		thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng 05 năm (2017, 2018, 2019, 2020 và 2021) trở lại đây của đối tác đã tham gia với vai trò là nhà thầu chính xây lắp với giá trị tối thiểu bằng 50% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét.
3	Các tiêu chí khác	- Hồ sơ chứng minh khả năng huy động vốn (trường hợp vốn chủ sở hữu nhỏ hơn 100% tổng mức đầu tư của dự án) bằng một trong các tài liệu sau: Cam kết tài trợ vốn/hoặc Hợp đồng cấp tín dụng từ tổ chức tài chính; Cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính từ tổ chức/cá nhân khác. Trường hợp, nhà đầu tư được công ty mẹ hay tổ chức/cá nhân khác (không phải là tổ chức tín dụng) cam kết hỗ trợ tài chính để thực hiện Dự án đăng ký: Đề nghị nhà đầu tư bổ sung hồ sơ chứng minh năng lực tài chính của bên cam kết để chứng minh tính khả thi của việc thực hiện cam kết. - Nhà đầu tư/liên danh nhà đầu tư là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã đang hoạt động và có giấy phép hoạt động về ngành, nghề kinh doanh bất động sản. - Nhà đầu tư/liên danh nhà đầu tư không vi phạm pháp luật về đất đai (vi phạm đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Quản lý đất đai đối với các dự án thuộc địa phương khác) và pháp luật khác.

Ghi chú:

(1) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định trên cơ sở các số liệu tài chính của nhà đầu tư trong báo cáo tài chính của nhà đầu tư năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có). Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện

chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án.

Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án, nhà đầu tư có trách nhiệm gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phương án đảm bảo huy động đủ vốn chủ sở hữu và các tài liệu chứng minh đảm bảo đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu theo quy định tại hợp đồng dự án.

Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu.

(2) Kinh nghiệm của nhà đầu tư:

(i) Các dự án, gói thầu nhà đầu tư thực hiện phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết mới được xem xét, đánh giá.

(ii) Đối với các dự án có quy mô đầu tư lớn, không có nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, bên mời thầu căn cứ dữ liệu về các dự án đã thực hiện, khả năng phân kỳ đầu tư của dự án đang xét để xác định yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư. Trong trường hợp này, yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư có thể được chỉnh sửa theo hướng thấp hơn so với hướng dẫn nhưng phải bảo đảm phù hợp với thực tế cũng như yêu cầu thực hiện dự án. Trong quá trình xem xét, đánh giá, phải bảo đảm nhà đầu tư có đầy đủ năng lực tài chính, năng lực kỹ thuật để thực hiện dự án. Yêu cầu thực hiện dự án trong hồ sơ mời thầu, hợp đồng phải bảo đảm quy định đầy đủ trách nhiệm của nhà đầu tư và biện pháp xử lý (xử phạt, đền bù thiệt hại, xử lý trong giai đoạn tiếp theo) trong trường hợp nhà đầu tư thực hiện dự án không đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng. Cơ quan có thẩm quyền có thể quy định giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3% tổng mức đầu tư của dự án.

(iii) Hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn: Dự án, gói thầu đã được nghiệm thu hạng mục công trình, công trình hoặc đang trong giai đoạn vận hành hoặc đã kết thúc theo quy định.

(3) Nhà đầu tư cung cấp kinh nghiệm của mình theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu. Nhà đầu tư chỉ được trích dẫn kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự một lần duy nhất. Trường hợp sử dụng đối tác, phải có thỏa thuận hợp tác được ký kết giữa nhà đầu tư đứng đầu liên danh và đối tác.

Cách thức quy đổi các dự án: _____ *[quy định 01 dự án thuộc loại 2, 3 bằng tối đa 0,5 - 0,7 dự án thuộc loại 1 và cách thức làm tròn số trong trường hợp số lượng dự án được quy đổi là số lẻ].*

(4) (5) (6) Đối với những dự án chưa xác định rõ giá trị tổng mức đầu tư trong các văn bản phê duyệt, hợp đồng dự án, nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh để xác định giá trị này.

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

1. Mẫu số 01: Thông tin về nhà đầu tư
2. Mẫu số 02: Năng lực tài chính của nhà đầu tư
3. Mẫu số 03: Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự
4. Mẫu số 04: Thỏa thuận liên danh

Mẫu số 01

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC ĐỐI TÁC CÙNG THỰC HIỆN

(Địa điểm)___, ngày___ tháng___ năm___

I. Thông tin về nhà đầu tư/thành viên liên danh[1]

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư/thành viên liên danh:

3. Năm thành lập:

4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:

5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh:

- Tên:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại/fax:
- Địa chỉ e-mail:

6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư.

II. Thông tin về các đối tác cùng thực hiện

TT	Tên đối tác[2]	Quốc gia nơi đăng ký hoạt động	Vai trò tham gia[3]	Người đại diện theo pháp luật	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với đối tác[4]
1	*Công ty 1*		*[Tổ chức cung cấp tài chính]*		
2	*Công ty 2*		*[Nhà thầu xây dựng]*		
3	*Công ty 3*		*[Nhà thầu vận hành/ Quản lý]*		
	…..				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này. Nhà đầu tư/thành viên liên danh cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

(2) Nhà đầu tư ghi cụ thể tên của các đối tác tham gia thực hiện dự án.

(3) Nhà đầu tư ghi cụ thể vai trò tham gia của từng đối tác.

(4) Nhà đầu tư ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, kèm theo bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

Mẫu số 02

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ[1]

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh[2]:

a) Tóm tắt các số liệu về tài chính [3]:

STT	Nội dung	Giá trị
I	**Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án**	
II	**Các số liệu về vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư**	
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Chi phí liên quan đến kiện tụng (nếu có)	
3	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện[4] (không gồm vốn đã được giải ngân cho các dự án đang thực hiện) và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có))	
4	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	

b) Tài liệu đính kèm[5]

- Báo cáo tài chính của nhà đầu tư năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có).

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án.

Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác trong trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các số liệu, tài liệu cung cấp liên quan đến vốn chủ sở hữu, phân bổ vốn chủ sở hữu cho các dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn đang thực hiện. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 89 Luật Đấu thầu và bị loại.

(3) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên mời thầu bổ sung các thông tin phù hợp.

(4) Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

(5) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên mời thầu có thể bổ sung các tài liệu nhà đầu tư phải nộp để chứng minh năng lực tài chính (ví dụ như: biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế; tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế;...).

Mẫu số 03

KINH NGHIỆM THỰC HIỆN DỰ ÁN TƯƠNG TỰ [(1)]

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

[Nhà đầu tư liệt kê kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự theo yêu cầu của bên mời thầu]

1. Dự án số 01: ___ *[ghi tên dự án]*

Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh/đối tác cùng thực hiện dự án	
1	Số hợp đồng: Ngày ký:
2	Tên dự án/gói thầu:
3	Lĩnh vực đầu tư của dự án
4	Tham gia dự án với vai trò: ☐ Nhà đầu tư độc lập ☐ Thành viên liên danh ☐ Nhà thầu chính xây lắp
5	Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền/đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án); chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu) Địa chỉ: Tên người liên lạc: Điện thoại: Fax: Email:
6	Thông tin chi tiết
6.1	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà đầu tư
	Tiến độ, chất lượng thực hiện dự án [(2)]: ☐ Đang trong giai đoạn xây dựng, đã nghiệm thu hạng mục công trình ☐ Đã nghiệm thu công trình ☐ Đang trong giai đoạn vận hành ☐ Đã kết thúc
	Tổng mức đầu tư (vốn đầu tư):
	Tỷ lệ góp vốn (trường hợp nhà đầu tư là liên danh):

	Vốn chủ sở hữu đã được huy động:
	Mô tả ngắn gọn về điểm tương đồng của dự án đã thực hiện này với dự án đang lựa chọn nhà đầu tư:
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc đã thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc đã thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc còn phải thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc còn phải thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành:
6.2	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà thầu chính
	Phạm vi công việc tham gia thực hiện:
	Giá trị phần công việc tham gia thực hiện:
	Tiến độ, chất lượng thực hiện[(3)]:
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật:

2. Dự án số 02:___ *[ghi tên dự án]*

...

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu có thể điều chỉnh, bổ sung yêu cầu kê khai thông tin tại Mẫu này để phù hợp với yêu cầu sơ bộ về kinh nghiệm của nhà đầu tư.

(2), (3) Nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh các thông tin đã kê khai và tiến độ, chất lượng thực hiện hợp đồng như bản sao công chứng hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án), chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu)…

Mẫu số 04

THỎA THUẬN LIÊN DANH

(Địa điểm), ngày___ tháng___ năm___

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh: ___ *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:
- Mã số thuế:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ___ ngày___ tháng ___ năm ___ *(trường hợp được ủy quyền).*

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia đấu thầu dự án ___ *[ghi tên dự án].*

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là:___ *[ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].*

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia đấu thầu dự án.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cho dự án như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho ___ *[ghi tên một thành viên]* là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc trong

quá trình hoàn thiện, nộp, làm rõ, sửa đổi hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên liên danh [(1)]*[ghi cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng thành viên liên danh và ghi tỷ lệ phần trăm góp vốn chủ sở hữu trong liên danh]:*

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia *[Ghi phần công việc mà thành viên đảm nhận (thu xếp tài chính, xây dựng, quản lý, vận hành,...]*	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị	Tỉ lệ %
1	Thành viên 1 *[Đứng đầu liên danh]*			*[tối thiểu 30%]*
2	Thành viên 2			*[tối thiểu 15%]*
3	Thành viên 3			*[tối thiểu 15%]*
.....				
		Tổng	....	**100%**

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;

- Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được bên mời thầu chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;

- Liên danh không đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm;

- Chấm dứt việc công bố danh mục dự án;

Thỏa thuận liên danh được lập thành ___ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ___ bản, nộp kèm theo hồ sơ dự thầu 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh [(2)]

[ghi tên đại diện hợp pháp của từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)[(3)]]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải liệt kê vai trò tham gia và tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của từng thành viên liên danh.

(2) Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

(3) Trường hợp thành viên liên danh là nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong thỏa thuận liên danh là của người đại diện hợp pháp của thành viên liên danh.